

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2007	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Công ty

Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 5 vào ngày 04/02/2008 .

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in-trắng-ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở);
- Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở);
- Mua bán nguyên liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới bất động sản;
- Kinh doanh nhà;
- Mua bán hàng gia dụng;
- Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở).

Trụ sở chính đặt tại: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là: 115.000.000.000 đồng.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 là: 13.840.499.022 đồng. (năm 2006 lợi nhuận sau thuế là: 11.714.491.530 đồng).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm ngày 31/12/2007 là 13.840.499.022 đồng. (lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2006 là 0 đồng).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông	Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông	Lê Đình Túc	Thành viên
Ông	Vương Duy Nhường	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thu Cúc	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông	Hồ Đức Lam	Tổng Giám đốc
Ông	Lê Đình Túc	Giám đốc điều hành kinh doanh
Ông	Nguyễn Văn Thường	Giám đốc điều hành sản xuất
Ông	Nguyễn Đắc Hải	Trưởng phòng TCKT

Các thành viên ban kiểm soát bao gồm:

Ông	Lê Phước Đường	Trưởng ban
Bà	Võ Thị Hồng Thanh	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Mỹ Lữ	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

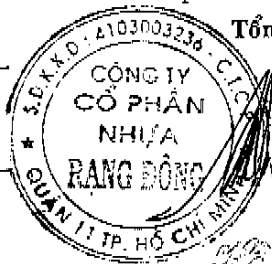
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

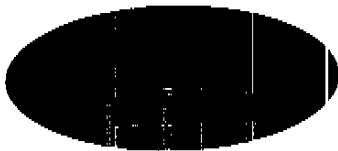
Tp Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 2 năm 2008

Tổng Giám Đốc



[Handwritten signature]





CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
 159/14 đường Bạch Đằng, P.2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
 Tel: (848) 293 6178 - Fax: (848) 848 8550
 Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số: 02-2-021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2007
 của Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/01/2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

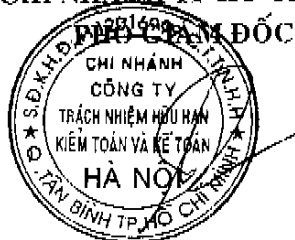
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 2 năm 2008



NGUYỄN MINH TIẾN
 Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

CAO THỊ HỒNG NGÀ
 Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B01-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		159.098.828.221	121.825.527.966
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		13.895.777.166	9.271.750.487
111	1. Tiền	V.01	13.895.777.166	9.271.750.487
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.196.702.253	33.675.997.287
131	1. Phải thu của khách hàng		38.435.862.965	31.764.608.554
132	2. Trả trước cho người bán		2.899.246.642	854.553.975
135	5. Các khoản phải thu khác	V.02	285.726.762	1.456.925.080
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		(424.134.116)	(400.090.322)
140	IV. Hàng tồn kho		101.089.255.518	76.603.331.564
141	1. Hàng tồn kho	V.03	102.029.091.576	77.859.434.829
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(939.836.058)	(1.256.103.265)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.917.093.284	2.274.448.628
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.200.982.936	235.414.554
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		215.944.632	265.771.485
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	V.04	29.739.606	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		1.470.426.110	1.773.262.589
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		159.356.924.299	115.012.815.088
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		607.025.192	1.298.600.000
218	4. Phải thu dài hạn khác	V.05	607.025.192	1.298.600.000
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		138.726.093.197	110.008.677.144
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	107.182.250.240	87.539.839.626
222	- Nguyên giá		209.160.076.510	174.817.943.593
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(101.977.826.270)	(87.278.103.967)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	164.276.795	190.393.271
228	- Nguyên giá		262.213.580	262.213.580
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(97.936.785)	(71.820.309)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	31.379.566.162	22.278.444.247
240	III. Bất động sản đầu tư		8.882.144.485	-
241	- Nguyên giá	V.09	9.063.412.740	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(181.268.255)	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		10.500.000.000	3.643.470.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	2.818.470.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.10	10.500.000.000	825.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-

10999
 HÀNH
 NG TY
 HIỆM HỮU
 VÀ KẾT
 NỘI
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
260	V. Tài sản dài hạn khác		641.661.425	62.067.944
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	641.661.425	62.067.944
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		318.455.752.520	236.838.343.054
NGUỒN VỐN				
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		160.154.742.351	148.823.691.507
310	I. Nợ ngắn hạn		127.989.083.883	134.232.191.936
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	83.925.218.375	83.926.388.714
312	2. Phải trả cho người bán		34.070.272.783	24.829.636.215
313	3. Người mua trả tiền trước		1.018.693.328	427.115.099
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	1.965.282.023	199.139.863
315	5. Phải trả công nhân viên		2.374.201.809	2.941.932.710
316	6. Chi phí phải trả	V.14	-	277.004.511
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.15	4.635.415.565	21.630.974.824
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
320	II. Nợ dài hạn		32.165.658.468	14.591.499.571
323	3. Phải trả dài hạn khác		602.025.192	1.293.600.000
324	4. Vay và nợ dài hạn	V.16	31.563.633.276	13.219.055.728
326	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	78.843.843
327	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		158.301.010.169	88.014.651.547
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	158.226.070.671	87.192.381.649
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		115.000.000.000	82.480.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.673.190.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		4.114.746.582	4.114.746.582
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		597.635.067	597.635.067
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		13.840.499.022	-
430	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		74.939.498	822.269.898
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		74.939.498	822.269.898
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		318.455.752.520	236.838.343.054

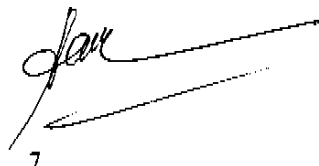
Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ().

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

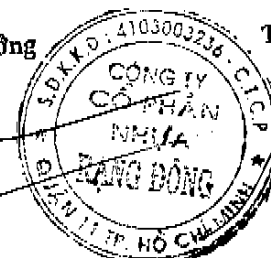
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	461.196.812.710	404.147.537.199
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.19	1.738.559.409	1.018.868.471
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.20	459.458.253.301	403.128.668.728
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.21	427.854.186.737	365.639.440.416
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.604.066.564	37.489.228.312
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.22	6.633.848.260	425.235.023
22	7. Chi phí tài chính	VI.23	6.115.906.876	7.504.121.674
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		5.990.991.041	7.068.103.788
24	8. Chi phí bán hàng		8.320.168.198	7.817.930.498
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.415.207.656	10.926.080.390
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.386.632.094	11.666.330.773
31	11. Thu nhập khác		473.777.160	58.618.757
32	12. Chi phí khác		19.910.232	10.458.000
40	13. Lợi nhuận khác		453.866.928	48.160.757
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		13.840.499.022	11.714.491.530
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.24	-	-
51	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.840.499.022	11.714.491.530
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.26	1.306	1.420

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2008

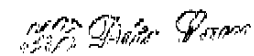
Người Lập biểu



Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B03-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

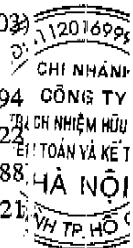
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.840.499.022	11.714.491.530
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		15.803.628.316	14.472.870.235
03	- Các khoản dự phòng		(371.067.256)	767.311.657
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(187.526.949)	144.110.129
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.435.049.138)	(396.300.134)
06	- Chi phí lãi vay		5.990.991.041	7.068.103.788
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.641.475.036	33.770.587.205
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.544.928.760)	(12.712.171.364)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(24.169.656.747)	(16.370.680.003)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.293.922.286	27.072.977.694
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.222.238.137)	(259.934.222)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(8.172.070.425)	(7.068.103.788)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.045.029.121)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(6.639.107.762)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		826.503.253	16.748.538.639
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(20.056.847.931)	(25.760.400.540)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		209.523.809	19.523.810
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.258.000.000)	(1.343.470.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.863.470.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.783.435.561	387.234.320
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.458.418.561)	(26.697.112.400)



B03-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RANG ĐÔNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		37.232.510.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		163.132.909.509 (175.974.674.071)	209.041.682.741 (195.408.390.763)
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(322.330.400)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		24.068.415.038	13.633.291.978
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.436.499.730	3.684.718.211
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		9.271.750.487	5.731.142.405
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		187.526.949	(144.110.129)
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.895.777.166	9.271.750.487
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2008

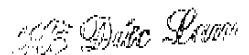
Người Lập biểu



Kế toán trưởng




Tổng Giám đốc



B09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 5 vào ngày 04/02/2008.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là: 115.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính đặt tại: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in-trang-ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở);
- Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở);
- Mua bán nguyên liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới bất động sản;
- Kinh doanh nhà;
- Mua bán hàng gia dụng;
- Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

201000
NHÀ
CÔNG TY
THIỆM HỮU
ÁN VÀ KẾ T
NỘI
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán, các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua chứng khoán đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

-Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;

-Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

-Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

-Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

-Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

-Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

-Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

-Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	9.883.270.868	2.645.311.685
Tiền gửi ngân hàng	4.012.506.298	6.626.438.802
Cộng	13.895.777.166	9.271.750.487
02. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Phải thu người lao động	8.848.059	28.920.000
- Phải thu khác	276.878.703	1.428.005.080
Cộng	285.726.762	1.456.925.080
03. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	178.377.000	-
- Nguyên liệu, vật liệu	60.393.638.297	45.377.356.315
- Công cụ, dụng cụ	49.068.295	66.424.650
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.751.535.894	8.583.938.650
- Thành phẩm	23.387.322.024	23.381.591.474
- Hàng hoá	188.898.511	171.012.336
- Hàng gửi đi bán	80.251.555	279.111.404
Cộng giá gốc hàng tồn kho	102.029.091.576	77.859.434.829
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là: 316.267.207 đồng;		
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là: 658.302.995 đồng.		
04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền thuế đất nộp thừa	29.739.606	-
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước khác	-	-
Cộng	29.739.606	-
05. Phải thu dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000
- Tiền bán cổ phiếu chậm trả cho hộ nghèo	602.025.192	1.293.600.000
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	607.025.192	1.298.600.000

2016
NHÀ
NG T
TIỆM HỮ
VÀ KẾ
NỘ
HỒ

B09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

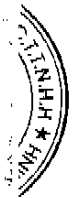
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND					
		Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng khác	TSCĐ khác	Cộng
LNguồn giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm		29.258.249.978	136.480.487.404	5.772.433.762	3.306.772.449	-	174.817.943.593
- Mua sắm mới		-	32.324.728.825	1.546.306.397	1.163.275.301	-	35.034.310.523
- Xây dựng cơ bản		224.253.908	-	-	-	-	224.253.908
- Tăng khác		-	1.320.313.599	(422.385.449)	(897.928.150)	-	(916.431.514)
- Thanh lý, nhượng bán		-	(916.431.514)	-	-	-	-
Số dư cuối năm		29.482.503.886	169.209.098.314	6.896.354.710	3.572.119.600	-	209.160.076.510
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm		13.618.607.283	69.370.194.255	2.598.503.814	1.690.798.615	-	87.278.103.967
- Khấu hao trong năm		1.473.427.013	13.055.026.095	612.782.554	455.007.923	-	15.596.243.585
- Tăng khác		14.795.918	(51.033.874)	55.144.716	(18.906.760)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	(896.521.282)	-	-	-	(896.521.282)
Số dư cuối năm		15.106.830.214	81.477.665.194	3.266.431.084	2.126.899.778	-	101.977.826.270
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình							
1. Tại ngày đầu năm		15.639.642.695	67.110.293.149	3.173.929.948	1.615.973.834	-	87.539.839.626
2. Tại ngày cuối năm		14.375.673.672	87.731.433.120	3.629.923.626	1.445.219.822	-	107.182.250.240

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.446.870.277 đồng

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 60.680.452.446 đồng.



B09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

07. Tăng, giảm TSCD vô hình	Đơn vị tính: VND					
	Chỉ tiêu	Bản quyền bằng sáng chế	Quyền sử dụng đất	Hệ thống quản lý ISO khác	TSCD vô hình khác	Cộng
I- Nguyên giá TSCD vô hình						262.213.580
Số dư đầu năm				262.213.580		
- Mua sắm mới						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số dư cuối năm				262.213.580		262.213.580
II- Giá trị đã hao mòn						71.820.309
Số dư đầu năm						26.116.476
- Khấu hao trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số dư cuối năm						97.936.785
III- Giá trị còn lại của TSCD vô hình						190.393.271
1. Tại ngày đầu năm						164.276.795
2. Tại ngày cuối năm						164.276.795

B09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	31.379.566.162	22.278.444.247
- Chi phí XDCB dở dang		
Trong đó: công trình lớn		9.073.912.740
+ Chi phí thuê đất tại Bình Dương	16.647.504.193	6.156.215.182
+ Chi phí đầu tư tại Củ Chi	5.559.339.878	-
+ Đất khu Công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh	1.437.247.389	-
+ Cải tạo văn phòng Công ty	2.387.111.473	-
+ Hệ thống trộn CK cao tốc	636.593.830	-
+ Máy ép vôi	994.571.212	-
+ Máy hấp xếp giả da, PVC	2.199.199.957	-
+ Công trình sửa chữa máy cán 3	116.424.000	-
+ Mua lò dầu HD 1484 CK Kinh Luân	1.401.574.230	7.048.316.325
+ Chi phí đầu tư, sửa chữa lớn khác	31.379.566.162	22.278.444.247
Cộng		

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá BĐS đầu tư				
1. Quyền sử dụng đất	-	9.063.412.740	-	9.063.412.740
2. Nhà	-	-	-	-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	9.063.412.740	-	9.063.412.740
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Quyền sử dụng đất	-	181.268.255	-	181.268.255
2. Nhà	-	-	-	-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	181.268.255	-	181.268.255
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	8.882.144.485
2. Nhà	-	-	-	-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	8.882.144.485

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

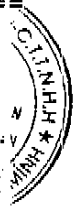
Năm 2007

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Đầu tư cổ phiếu	10.500.000.000	825.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	10.500.000.000	825.000.000

(*): Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn

<u>Loại cổ phiếu</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá tiền</u>	<u>Thành tiền</u>
+ Ngân hàng Eximbank	500 cp	1.000.000	500.000.000
+ Công ty CP Gò Vấp	200.000 cp	50.000	10.000.000.000
Cộng			10.500.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí trang trí thiết kế Showroom	40.161.611	62.067.944
- Thi công, giàn dựng gian hàng Vietbuilt	61.333.333	-
- Sửa chữa kho	78.171.946	-
- Cải tạo văn phòng chi nhánh Hà Nội	116.148.000	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	345.846.535	-
Cộng	641.661.425	62.067.944



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

12. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vay ngắn hạn	82.789.607.375	75.994.935.038
+ Ngân hàng	82.689.607.375	75.894.935.038
+ Vay cá nhân	100.000.000	100.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	1.135.611.000	7.931.453.676
Cộng	83.925.218.375	83.926.388.714

(*): Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

Tên tổ chức cho vay	Ngoại tệ (USD)	Qui đổi VND
- Ngân hàng Công thương CN 10	-	13.589.949.768
- Ngân hàng ACB Tân Bình	-	3.969.308.837
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	-	27.438.317.595
- Ngân hàng xuất nhập khẩu (USD)	1.695.997,68	27.186.842.810
- Ngân hàng ACB Tân Bình (USD)	655.345,50	10.505.188.365
- Công đoàn Công ty	-	100.000.000
Cộng	2.351.343,18	82.789.607.375

(**): Chi tiết các khoản vay dài hạn đến hạn trả

Tên tổ chức cho vay	Ngoại tệ (USD)	Qui đổi VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	-	916.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (USD)	13.700,00	219.611.000
Cộng	13.700,00	1.135.611.000

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.557.798.727	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	366.818.276	78.184.680
- Thuế thu nhập cá nhân	40.665.020	120.955.183
Cộng	1.965.282.023	199.139.863

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí phải trả	-	-
- Chi phí phải trả khác	-	277.004.511
Cộng	-	277.004.511



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.894.700
- Bảo hiểm y tế	74.393	265.823
- Bảo hiểm xã hội	248.457.540	70.402.013
- Kinh phí công đoàn	212.672.072	287.817.249
- Phải trả Tổng Công ty ĐT&KDVNN	-	12.171.030.000
- Cổ tức phải trả	780.000	7.423.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.173.431.560	1.676.365.039
Cộng	4.635.415.565	21.630.974.824

16. Vay dài hạn và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vay dài hạn	31.563.633.276	13.219.055.723
+ Vay ngân hàng	31.563.633.276	13.219.055.723
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	31.563.633.276	13.219.055.723

(*): Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Tên tổ chức cho vay	Ngoại tệ (USD)	Qui đổi VND
- Ngân hàng Công thương CN 10	-	745.750.000
- Ngân hàng ACB Tân Bình	-	7.667.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	-	438.910.825
- Ngân hàng Xuất nhập khẩu (USD)	131.449,00	2.107.127.470
- Ngân hàng ACB Tân Bình	1.105.597,00	17.722.719.910
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	179.795,70	2.882.125.071
Cộng	1.416.841,70	31.563.633.276

1120169c
 CHI NHÁNH
 CÔNG TY
 CH NHIỆM HỮU
 TOÁN VÀ KẾ T
 TÀI NỘI
 H TP. HỒ C

B09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐỒNG

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

17. Vốn chủ sở hữu**17.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	82.480.000.000	-	-	177.979.702	907.214.330	83.565.194.032
- Lợi nhận tăng trong năm trước	-	-	-	-	11.714.491.530	11.714.491.530
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.114.746.582	-	(4.114.746.582)	-
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	419.655.365	(419.655.365)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(597.635.067)	(597.635.067)
- Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(7.423.200.000)	(7.423.200.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(66.468.846)	(66.468.846)
Số dư cuối năm trước	82.480.000.000	-	4.114.746.582	597.635.067	-	87.192.381.649
- Tăng vốn trong năm	32.520.000.000	24.673.190.000	-	-	-	57.193.190.000
- Lợi nhận tăng trong năm	-	-	-	-	13.840.499.022	13.840.499.022
- Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	115.000.000.000	24.673.190.000	4.114.746.582	597.635.067	13.840.499.022	158.226.070.671



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tổng số	%	Tổng số	%
- Vốn góp của Nhà nước	70.506.720.000	61%	57.189.700.000	69%
- Vốn góp của các cổ đông khác	44.493.280.000	39%	25.290.300.000	31%
Cộng	115.000.000.000	100%	82.480.000.000	100%

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm : không

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	82.480.000.000	82.480.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	32.520.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	82.480.000.000

17.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường : sẽ được thông qua sau Đại hội cổ đông
 - + Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu ưu đãi : không
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không

17.5. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	8.248.000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.500.000	8.248.000
+ Cổ phiếu thường	11.500.000	8.248.000
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	11.500.000	8.248.000
+ Cổ phiếu thường	11.500.000	8.248.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hàng: 10.000 đ / 01 cổ phần

* Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2006 ngày 23/03/2007, Công ty đã thay đổi mệnh giá của cổ phiếu từ 100.000 đồng/ 1 cổ phần thành 10.000 đồng / 1 cổ phần.

17.6. Các quỹ của Công ty

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.114.746.582	4.114.746.582
- Quỹ dự phòng tài chính	597.635.067	597.635.067
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	4.712.381.649	4.712.381.649

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

B09-DN

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

17.7. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

- Bù đắp những khoản tổn thất thiệt hại về tài sản do thiên tai dịch họa, hỏa hoạn, những rủi ro trong kinh
- Đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh;
- Đổi mới, thay thế hoàn chỉnh máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật;
- Đổi mới trang thiết bị và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp;
- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho công nhân viên trong doanh nghiệp;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Tham gia liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo qui định hiện hành;
- Phát triển, mở rộng kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	461.073.949.075	404.007.744.178
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	122.863.635	139.793.021
Cộng	461.196.812.710	404.147.537.199

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	19.419.907	914.724
- Hàng bán bị trả lại	1.719.139.502	1.017.953.747
Cộng	1.738.559.409	1.018.868.471

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp sản phẩm, hàng hoá	459.335.389.666	402.988.875.707
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	122.863.635	139.793.021
Cộng	459.458.253.301	403.128.668.728

21. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	101.610.696.403	83.784.644.253
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	325.504.279.005	279.767.403.012
- Hao hụt, xuất hủy, mất mát hàng tồn kho	45.446.113	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	828.764.168	1.429.090.156
- Khấu hao bất động sản đầu tư	181.268.255	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(316.267.207)	658.302.995
Cộng	427.854.186.737	365.639.440.416



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG**B09-DN**

Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	323.544.587	297.440.544
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	5.449.030.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	462.000.000	89.793.780
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.885.750	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	187.526.949	38.000.699
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	10.860.974	-
Cộng	6.633.848.260	425.235.023

23. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	5.990.991.041	7.068.103.788
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	124.915.835	291.907.757
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	144.110.129
Cộng	6.115.906.876	7.504.121.674

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	-	-

- Công ty được miễn 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo bắt đầu từ năm 2006.

25. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390.142.090.847	327.790.767.714
- Chi phí nhân công	24.070.552.319	22.387.834.940
- Chi phí khấu hao	15.803.628.316	14.472.870.235
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.606.214.972	15.526.909.491
- Chi phí khác bằng tiền	3.967.076.137	4.205.068.924
Cộng	446.589.562.591	384.383.451.304

999-C
 ANH
 I TY
 M HUU H
 VA KÉ TO
 NỘI
 PHÓ C

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
Đ/c: 190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, Tp Hồ Chí Minh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

26. Thuyết minh chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước:
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13,840,499,022	11,714,491,530
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thường.		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thường	13,840,499,022	11,714,491,530
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	10,599,266	8,248,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,306	1,420

(*): Số cổ phiếu lưu hành bình quân năm trước và năm nay đã được điều chỉnh hồi tố do tách cổ phiếu từ 100.000 đ/1 CP xuống 10.000 đ/1 CP.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

27. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng : không có

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán - AASC kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2008

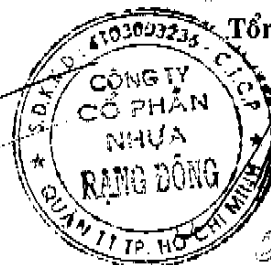
Người Lập biểu



Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc



303 Quốc Sơn